

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 8.0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

09.03.2021

Ngày in 16.03.2021

theo quy định (EC) số 1907/2006

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

**Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc****1.1 Nhận dạng của sản phẩm**

Tên sản phẩm	:	Carboxypeptidase B, Porcine Pancreas
Số sản phẩm	:	217356
Nhãn hiệu	:	Millipore
Chỉ số-Số	:	647-014-00-9
REACH số	:	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	:	9025-24-5

**1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:**

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo : Nghiên cứu/phân tích hóa sinh

**1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn**

Công ty : Cty TNHH Merck Việt Nam  
Lầu 9, CentrePoint  
106 NGUYỄN VĂN TRỖI, Q. PHÚ NHUẬN, TP. HCM 740000  
VIETNAM

**1.4 Điện thoại khẩn cấp**

Số Điện thoại Khẩn cấp : ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117 \*  
CHEMTREC: +(84)-444581771



## Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

#### Phân loại theo Quy định (EC) No 1272/2008

Kích ứng da (Nhóm 2), H315

Kích ứng mắt (Nhóm 2), H319

Nhạy cảm với hô hấp (Nhóm 1), H334

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ) (Nhóm 3), Hệ hô hấp, H335

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

#### Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H315

Gây kích ứng da.

H319

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H334

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

H335

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các lưu ý phòng ngừa

P261

Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.

P264

Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.

P271

Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.

P302 + P352

NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.

P304 + P340 + P312

NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

P305 + P351 + P338

NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung không có gì

#### Nhãn dán loại nhỏ (<= 125 ml)

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo

Nguy hiểm



Cảnh báo nguy hiểm

H334

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

Các lưu ý phòng ngừa

P261

Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.

P304 + P340 + P312

NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung không có gì

### 2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

---

## Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Số CAS : 9025-24-5  
Số EC : 232-788-9  
Chỉ số-Số : 647-014-00-9

Thành phần	Phân loại	Nồng độ
<b>Carboxypeptidase B</b>		
Số CAS	9025-24-5	Skin Irrit. 2; Eye Irrit. 2; Resp. Sens. 1; STOT SE 3; H315, H319, H334, H335
Số EC	232-788-9	
Chỉ số-Số	647-014-00-9	
		<= 100 %

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

---

## Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

#### Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.

#### Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.



### **Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da**

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

### **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt**

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

### **Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa**

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

## **4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm**

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

## **4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt**

chưa có dữ liệu

---

## **Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa**

### **5.1 Các phương tiện chữa cháy**

#### **Các phương tiện chữa cháy phù hợp**

Bột Carbon diôxít (CO<sub>2</sub>) Bột khô

#### **Các phương tiện chữa cháy không phù hợp**

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

### **5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp**

Bản chất của sản phẩm phân hủy không được xác định.

Bản chất của sản phẩm phân hủy không được xác định.

dễ cháy

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

### **5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa**

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. T an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

### **5.4 Thông tin khác**

Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.



---

## Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

### 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).

Sử dụng cẩn thận vật chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ: Chemisorb®). Vứt bỏ đúng cách. Vệ sinh khu vực bị ảnh hưởng.

### 6.4 Xem các mục khác

Để xử lý, xem phần 13.

---

## Phần 7: Xử lý và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

#### Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

#### Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

#### Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định



---

## Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ cá nhân

#### Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU). Kính bảo hộ

#### Bảo vệ da

yêu cầu

#### Bảo vệ cơ thể

quần áo bảo hộ

#### Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Các khuyến nghị của chúng tôi về lọc thiết bị bảo vệ hô hấp dựa trên các tiêu chuẩn sau: DIN EN 143, DIN 14387 và các tiêu chuẩn đi kèm khác liên quan đến hệ thống thiết bị bảo vệ hô hấp đã sử dụng.

Loại bộ lọc đề xuất: Bộ lọc loại ABEK

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thi dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành

#### Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

---

## Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- |                  |                    |
|------------------|--------------------|
| a) Trạng thái    | Hình thể: rắn      |
|                  | Màu sắc: không màu |
| b) Mùi đặc trưng | chưa có dữ liệu    |
| c) Ngưỡng mùi    | chưa có dữ liệu    |
| d) Độ pH         | chưa có dữ liệu    |

Millipore- 217356

Trang 6 của 11

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada



e)	Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	chưa có dữ liệu
f)	Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	chưa có dữ liệu
g)	Điểm chớp cháy	chưa có dữ liệu
h)	Tỷ lệ hóa hơi	chưa có dữ liệu
i)	Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	chưa có dữ liệu
j)	Giới hạn trên/dưới của tính dễ cháy hoặc dễ nổ	chưa có dữ liệu
k)	Áp suất hóa hơi	chưa có dữ liệu
l)	Mật độ hơi	chưa có dữ liệu
m)	Tỷ trọng tương đối	chưa có dữ liệu
n)	Tính tan trong nước	chưa có dữ liệu
o)	Hệ số phân tán: n-octanol/nước	chưa có dữ liệu
p)	Nhiệt độ tự bốc cháy	chưa có dữ liệu
q)	Nhiệt độ phân hủy	chưa có dữ liệu
r)	Độ nhớt	Độ nhớt, động học: chưa có dữ liệu Độ nhớt, động lực: chưa có dữ liệu
s)	Đặc tính cháy nổ	chưa có dữ liệu
t)	Đặc tính ôxy hóa	chưa có dữ liệu

## 9.2 Thông tin an toàn khác

chưa có dữ liệu

---

## Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

chưa có dữ liệu

### 10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).



### **10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm**

chưa có dữ liệu

### **10.4 Các điều kiện cần tránh**

không có thông tin

### **10.5 Các vật liệu xung khắc**

Các chất oxy hóa mạnh

### **10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm**

xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

---

## **Phần 11: Thông tin độc học**

### **11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái**

#### **Độc tính cấp tính**

chưa có dữ liệu

#### **Ăn mòn/kích ứng da**

chưa có dữ liệu

#### **Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

chưa có dữ liệu

#### **Kích thích hô hấp hoặc da**

#### **Biến đổi tế bào gốc**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính gây ung thư**

IARC: Không có thành phần nào của sản phẩm ở mức cao hơn hoặc bằng 0.1 % được xác định là chất nghi ngờ, có thể hoặc chắc chắn gây ung thư ở người theo quy định của IARC.

#### **Độc tính đối với sinh sản**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)**

Có thể gây kích ứng hô hấp.

#### **Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần**

chưa có dữ liệu

#### **Nguy cơ hô hấp**

chưa có dữ liệu





## 11.2 thông tin thêm

Không có sẵn

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

---

## Phần 12: Thông tin sinh thái học

### 12.1 Độc tính

chưa có dữ liệu

### 12.2 Tính bền vững và phân hủy

chưa có dữ liệu

### 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

### 12.4 Tính biến đổi trong đất

chưa có dữ liệu

### 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

### 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

chưa có dữ liệu

---

## Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

### 13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

#### Sản phẩm

Xem [www.retrologistik.com](http://www.retrologistik.com) để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

---

## Phần 14: Thông tin vận chuyển

### 14.1 Số UN

ADR/RID: -

IMDG: -

IATA: -

### 14.2 Tên vận chuyển đường biển

ADR/RID: Hàng hóa không nguy hiểm

Millipore- 217356

Trang 9 của 11

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada



IMDG: Not dangerous goods  
IATA: Not dangerous goods

#### 14.3 (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển

ADR/RID: - IMDG: - IATA: -

#### 14.4 Nhóm đóng gói

ADR/RID: - IMDG: - IATA: -

#### 14.5 Các nguy cơ ảnh hưởng môi trường

ADR/RID: không IMDG Chất gây ô nhiễm biển: IATA: không  
không

#### 14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

##### Thông tin khác

Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

---

### Phần 15: Thông tin pháp luật

#### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Phiếu dữ liệu an toàn này tuân theo yêu cầu của Châu Âu số 1907/2006 (REACH).

VƯỜN TỐI - Các hạn chế về sản xuất, đặt lên thị trường :  
và sử dụng một số chất nguy hiểm, chuẩn bị và mặt  
hàng Phụ ước XVII)

##### Luật pháp quốc gia

Seveso III: Chỉ thị 2012/18/EU của Quốc hội Châu Âu : Không áp dụng được  
và Hội đồng kiểm soát rủi ro tai nạn lớn liên quan đến  
các chất nguy hiểm

##### Các quy định khác

Lưu ý Hướng dẫn 94/33/EEC về bảo vệ người trẻ tuổi tại nơi làm việc.

#### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, việc đánh giá an toàn hóa chất đã không được thực hiện

---

### Phần 16: Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.



H315	Gây kích ứng da.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H334	Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.

### **Những thay đổi liên quan kể từ phiên bản trước**

#### **2. Nhận dạng các nguy cơ**

#### **Thông tin khác**

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem [www.sigma-aldrich.com](http://www.sigma-aldrich.com) và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Bản quyền 2020 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).

